TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số**: 03 /**2023/HNGĐ - ST
Ngày: 10-01-2023
V/v "Ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S, TP. ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hạnh
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Ngọc
2. Ông Đặng Công Ba

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thái Phương Dung – Thư ký Tòa án của TAND quận S, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng *tham gia phiên tòa:* Bà Lê Thị Vân Anh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận S, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 144/2022/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 10 năm 2022 về Ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 144/2022/QĐXX-ST ngày 08 tháng 12 năm 2022, quyết định hoãn phiên tòa số 133/QĐ-HPT ngày 28/12/2022 giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Lệ A**; sinh năm: 1976; Trú tại: 20 N, tổ 43 phường A, quận S, Đà Nẵng. Có mặt

Bị đơn: Ông **Nguyễn Đình C**; sinh năm: 1969; Trú tại: 20 N, tổ 43 phường A, quận S, Đà Nẵng. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/9/2022, bản tự khai ngày 09/11/2022 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Lệ A trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà kết hôn với ông C năm 1996, hôn nhân tự nguyện và có thời gian tìm hiểu nhau và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, quận S, Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 05/9/1996. Sau khi kết hôn ông bà sống hạnh phúc đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, tình tình không hợp, ông C có tính gia trưởng, tính toán, chi li về kinh tế, thiếu sự tôn trọng nhau nên cuộc sống vợ chồng trở nên ngột ngạt, thường xuyên xảy ra cãi vã. Mặc dù sống cùng nhà nhưng ly thân từ năm 2010 đến nay. Nay bà A xác định không còn yêu thương ông C nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn với ông C.

- Về con chung: bà A xác định bà và ông C có 03 con chung: Nguyễn Đình P, sinh ngày: 31/5/1999; Nguyễn Đình Thúy H, sinh ngày: 18/7/2005 và Nguyễn Đình Mỹ D, sinh ngày: 26/02/2008. Ly hôn nguyện vọng của bà A là được trực

tiếp nuôi 02 con Nguyễn Đình Thúy H và Nguyễn Đình Mỹ D và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Nguyễn Đình P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên bà không yêu cầu gì.

- Về tài sản chung: bà A không yêu cầu Tòa giải quyết.
- Về nợ chung: bà A xác định không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Đình C không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án, không tham gia hoà giải và cũng không tham gia phiên toà xét xử vụ án trên.

Tại phiên tòa hôm nay, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S phát biểu về sự tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và của các đương sự. Theo đó: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ đúng pháp luật từ khâu thụ lý, hòa giải, thu thập chứng cứ và mở phiên tòa xét xử. Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật tố tụng. Riêng bị đơn không thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình nên phải chịu hậu quả pháp lý về việc không tuân thủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận S đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình

Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Lệ A về việc ly hôn với ông Nguyễn Đình C.

Về con chung: bà A xác định có 03 con chung là: Nguyễn Đình P – sinh ngày: 31/5/1999; Nguyễn Đình Thúy H – sinh ngày: 18/7/2005 và Nguyễn Đình Mỹ D – sinh ngày: 26/02/2008. Giao hai con là Nguyễn Đình Thúy H và Nguyễn Đình Mỹ D cho bà Nguyễn Thị Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. ông C không phải cấp dưỡng nuôi con. Đối với con Nguyễn Đình P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu gì

Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Tòa án nhân dân quận S đã tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Nguyễn Đình C nhưng tại phiên tòa hôm nay ông C vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của BLTTDS, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn Nguyễn Đình C.

Về nội dung vụ án:

[2] Ông Nguyễn Đình C và bà Nguyễn Thị Lệ A kết hôn năm 1996, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận S, Tp Đà Nẵng theo giấy chứng nhận kết hôn số 98 ngày 05/9/1996. Đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

[3] Quá trình chung sống vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, ông C có tính gia trưởng, tính toán, chi li, thiếu sự tôn trọng nhau nên thường xày ra mâu thuẫn. Vợ chồng tuy sống cùng nhà nhưng ly thân từ năm 2010 đến nay. Quá trình tố tụng cũng như tại phiên toà sơ thẩm hôm

nay bà A xác định không còn yêu thương ông C nữa nên xin được ly hôn. Còn bị đơn ông C mặc dù Toà án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông vẫn cố tình vắng mặt không có lý do.

[4] Xét yêu cầu xin ly hôn của bà A thì thấy: Giữa ông C, bà A từ khi kết hôn năm 1996 đến nay hai bên chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Khi mâu thuẫn xảy ra ông bà đều không có giải pháp gì để hàn gắn và xây dựng lại gia đình, vợ chồng đã sống ly thân nhau từ 2010 đến nay. Đối với ông C có ý thức để mặc, không tham gia các phiên hòa giải cũng như tham gia tố tụng tại phiên tòa, điều này thể hiện ông C vừa coi thường pháp luật, vừa thờ ơ với việc hàn gắn hạnh phúc gia đình, bản thân ông C không còn thiện chí xây dựng hạnh phúc gia đình với bà A. Mặt khác, mâu thuẫn gia đình theo bà A trình bày cũng phù hợp với cung cấp của địa phương nơi ông bà sinh sống. Vì vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở nhận định mâu thuẫn vợ chồng ông C, bà A đã trở nên trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt đươc nên chấp nhận cho bà A được ly hôn ông C là hoàn toàn phù hợp với điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[5] Về con chung: ông C, bà A có 03 con chung Nguyễn Đình P – sinh ngày: 31/5/1999; Nguyễn Đình Thúy H – sinh ngày: 18/7/2005 và Nguyễn Đình Mỹ D – sinh ngày: 26/02/2008. bà A có nguyện vọng trực tiếp nuôi 02 con Nguyễn Đình Thúy H và Nguyễn Đình Mỹ D. Không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Nguyễn Đình P đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường không yêu cầu Tòa giải quyết.

Xét yêu cầu của bà A về việc xin được nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con thì thấy: Việc giao con cho ai trông nom, nuôi dưỡng đều phải dựa vào quyền lợi mọi mặt của con, đảm bảo được sự phát triển của con cả về thể chất lẫn tinh thần, từ khi mâu thuẫn Anh trực tiếp nuôi dưỡng dó đó Hội đồng xét xử thấy việc giao con cho bà A là phù hợp với tình hình thực tế, ổn định cuộc sống của các con, phù hợp với nguyện vọng của con cũng như quy định tại các Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[6] Về tài sản chung: bà A không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Nguyễn Đình C không có ý kiến trong hồ sơ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về nợ chung: bà A xác định không có. ông C không có ý kiến nên HĐXX không đề cập giải quyết. Sau này các đương sự có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[8] Đối với ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát nhân dân quận S, Tp Đà Nẵng thấy phù hợp với quy định của pháp luật và nhận định của HĐXX nên chấp nhận.

[9] Về án phí: Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc xin ly hôn của bà Nguyễn Thị Lệ A đối với ông Nguyễn Đình C.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Lệ A được ly hôn với ông Nguyễn Đình C *(Do chấp nhận yêu cầu ly hôn* của *bà Nguyễn Thị Lệ A đối với ông Nguyễn Đình C nên giấy chứng nhận kết hôn hôn số 98, quyển số 11 do UBND phường T, quậnS, TP Đà Nẵng cấp ngày 05/9/1996 không còn giá trị pháp lý)*

2. Về con chung: Giao 02 con Nguyễn Đình Thúy H – sinh ngày: 18/7/2005 và Nguyễn Đình Mỹ D – sinh ngày: 26/02/2008 cho bà Nguyễn Thị Lệ A trực tiếp nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi. Ông Nguyễn Đình C không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Nguyễn Đình P – sinh ngày: 31/5/1999 đã đủ 18 tuổi và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: không đề cập giải quyết.

4. Về án phí: Án phí HNGĐ sơ thẩm: 300.000 đồng bà Nguyễn Thị Lệ A phải chịu được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà A đã nộp theo biên lai thu số 0006432 ngày 06 tháng 10 năm 2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận S, TP. Đà Nẵng.

Nguyên đơn có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết tại nơi thường trú.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại các điều 6,7 và điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi Hành án dân sự.

Nơi nhận :
- VKSND quận S;
- Chi cục THADS quận S;
- UBND phường T, quận S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hạnh